

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 17-11-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Đoàn Hoài Trí;

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Chum;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2020/HNGĐ-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: Số 34, đường ĐT 750, ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Nhà khách, đường ĐT 750, ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; hộ khẩu thường trú: Số 34, đường ĐT 750, ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2019 và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D trình bày:

Về hôn nhân: Ông D và bà T kết hôn năm 1988, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã Cây Trông II, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương, hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bà T nghi ngờ ông D ngoại tình rồi có hành vi bạo lực với ông D nhưng bản thân ông D không ngoại tình, luôn chung thủy với vợ. Ngoài ra, vợ chồng có nhiều bất đồng và mâu thuẫn về quan điểm sống, cách sống, cách cư xử với nhau nhưng ông D luôn là người nhường nhịn vợ, thỉnh thoảng vợ chồng mới cãi nhau. Tuy nhiên, mâu thuẫn tích tụ ngày càng nhiều nên đến ngày 30 tháng 9 năm 2019, ông D vào Công ty C là nơi ông D công tác ở đến nay. Bà T, các con gái và con rể nhiều lần năn nỉ ông D quay về nhưng ông D không đồng ý.

Ông D nhận thấy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên ông D yêu cầu ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Ông D và bà T có ba con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh năm 1989; Nguyễn Hương G, sinh năm 1993 và Nguyễn Kim Chi Ngọc D, sinh năm 1996; các con chung đã thành niên nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Ông D không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 26 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T trình bày thống nhất với ông D về thời điểm kết hôn; hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Bà T không đồng ý với lời trình bày của ông D về nguyên nhân mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không thể tránh khỏi những bất đồng. Bà T thường nhắc nhở ông D giữ gìn sức khỏe do ông D hay đi chơi về khuya hoặc có khi không về; không người vợ nào muốn chồng ngoại tình nên không tránh khỏi ghen tuông. Tuy nhiên những vấn đề này không đến mức trầm trọng dẫn đến ly hôn. Bà T vẫn hết mực yêu thương chồng, con; gia đình bà T và ông D vẫn hạnh phúc, ấm no, hòa thuận. Việc ông D đến Công ty C ở từ ngày 30 tháng 9 năm 2019 đến nay, bà T rất bất ngờ và không rõ nguyên nhân. Bà T và các con nhiều lần khuyên ông D về nhà nhưng ông D không về.

Bà T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D vì bà T vẫn luôn yêu thương chồng, muốn giữ gìn hạnh phúc cho gia đình và con cháu.

Về nuôi con chung: Bà T và ông D có ba con chung như ông D trình bày; các con chung đã thành niên nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Bà T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2020/HNGĐ-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân D đối với bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp về ly hôn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/7/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D: Hiện nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ông D và bà T ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Ông D yêu cầu Tòa án quyết định cho ông được ly hôn với bà T để giải thoát cho nhau.

Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị T: Giữa vợ chồng hiện nay không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Bản thân bà T vẫn còn tình cảm thương yêu chồng con nên bà T không muốn ly hôn với ông D để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho các con cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà T chưa đến mức trầm trọng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông D kháng cáo yêu cầu được ly hôn với bà T nhưng ông D không xuất trình được chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 16/7/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D và bị đơn bà Nguyễn Thị T kết hôn năm 1988, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã Cây Trường II, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp. Về phía nguyên đơn ông D khởi kiện cho rằng từ năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T nghi ngờ ông D ngoại tình, có hành vi bạo lực đối với ông D cụ thể: Có lần bà T dùng guốc đánh ông D bị thương tích ở đầu phải đưa đi bệnh viện cấp cứu, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, cách sống và cách cư xử với nhau, những mâu thuẫn giữa vợ chồng đã tích tụ nhiều ngày, tình cảm rạn nứt. Ông D và bà T đã sống ly thân từ ngày 30/9/2019 đến nay. Về phía bị đơn không đồng ý lời trình bày của ông D về nguyên nhân mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn. Bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi bất đồng nhưng không mâu thuẫn nghiêm trọng dẫn đến ly

hôn; bà T vẫn hết mực yêu thương chồng con; gia đình bà T vẫn hạnh phúc, ấm no, hòa thuận.

[3] Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D xuất trình bổ sung chứng cứ là 01 USB ghi âm lời bà T xúc phạm, hăm dọa ông và thể hiện bà T cho rằng ông D ngoại tình. Ngoài ra ông D còn xác định từng bị bà T đánh phải đi bệnh viện điều trị, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/9/2019 cho đến nay. Hiện nay ông không còn tình cảm gì đối với bà T do đó ông D kiên quyết xin ly hôn với bà T để được giải thoát về cả thể xác, lẫn tinh thần. Về phía bà T trong quá trình tố tụng đã cung cấp cho Tòa án các hình ảnh về cuộc sống hạnh phúc của gia đình bà T và ông D cùng các con; các ý kiến của 03 người con đều không muốn cha mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ông D không chung sống cùng bà T từ ngày 30/9/2019 đến nay của ông D là vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng đây cũng là căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa ông D và bà T không còn. Thời gian ông D, bà T không chung sống cùng nhau đã hơn một năm nhưng vẫn không hàn gắn được tình nghĩa vợ chồng. Bà T cũng không có biện pháp nào để thuyết phục ông D trở về đoàn tụ, ông D khẳng định không thể chung sống cùng bà T được nữa. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà T đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân sẽ làm khổ cho cả hai. Việc Tòa án sơ thẩm cho rằng vẫn còn khả năng hàn gắn tình cảm giữa ông D và bà T là không có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông D, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích nêu trên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D.

Ý kiến của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của bị đơn là không có căn cứ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do ông Diệu là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D.

2. Sửa nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2020/HNGĐ-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân D đối với bà Nguyễn Thị Tứ về việc tranh chấp ly hôn. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân D được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2.2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0021376 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân D không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Mỹ Hương

Đặng Văn Chum

Đoàn Hoài Trí

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- TAND huyện Bàu Bàng;
- Ủy ban nhân dân xã Cây Trông II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hoài Trí

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 05 tháng 3 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 3 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Với hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Lưu Thị Mỹ Hương

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Trường

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 105/2018/TLPT-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc “tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Cảnh Hào, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 35 đường số 52, Khu phố 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Mỹ, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Số 35 đường số 52, Khu phố 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Xóm 9, xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Trần Xuân Tín, sinh năm 1960;

3.2. Bà Dương Thị Thanh, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Xóm 9, xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến 3/3 như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Mỹ.

2. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 105/2018/HNGĐ-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh Hào đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ về việc “tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ vẫn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Trang My, sinh ngày 12/9/2013.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Cảnh Hào trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

2.2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Cảnh Hào phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Hào đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0021919 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Trần Thị Mỹ không phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả bà Mỹ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0022798 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc 11 giờ 40 phút. Biên được các thành viên Hội đồng xét xử thông qua và thống nhất ký tên.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường

Đoàn Hoài Trí

Lưu Thị Mỹ Hương